

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÙNG KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-LĐTBOXH  
V/v triển khai thực hiện Thông tư số  
13/2021/TT-BLĐTBXH ngày  
30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động  
- Thương binh và Xã hội

Trùng Khánh, ngày tháng 01 năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 3309/UBND-VX ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc triển khai Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo như sau:

**1. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện**

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện công tác thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH bảo đảm đầy đủ, đúng quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH với các cơ quan cấp trên.

- Chủ trì, thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê sau:

(1) Về tình hình trẻ em gồm: Nhóm chỉ tiêu chung về trẻ em (các mã số: 0104, 0105, 0106); Nhóm chỉ tiêu sức khỏe dinh dưỡng (các mã số: 0208, 0209, 0210); Nhóm chỉ tiêu bảo vệ trẻ em (các mã số: 0301, 0302, 0303, 0304, 0305, 0309, 0310, 0311, 0312, 0315, 0316, 0319, 0320, 0322); Nhóm chỉ tiêu trẻ em tham gia vào các vấn đề trẻ em (các mã số: 0601, 0602, 0603, 0604).

(2) Về tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em gồm: Nhóm chỉ tiêu tình hình xâm hại trẻ em (các mã số: 0101, 0102, 0103, 0106, 0107, 0112); Nhóm chỉ tiêu tình hình xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em (các mã số: 0201, 0202, 0203, 0204, 0205, 0206, 0207, 0208, 0209, 0210, 0211, 0212).

**2. Công an huyện**

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em gồm: Nhóm chỉ tiêu bảo vệ trẻ em (các mã số: 0308, 0313, 03142); về tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em gồm: Nhóm chỉ tiêu tình hình xâm hại trẻ em (các mã số: 0104, 0105, 0108, 0109, 0110, 0111).

### **3. Chi cục Thống kê huyện**

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em gồm: Nhóm chỉ tiêu chung về trẻ em (các mã số: 0101, 0102, 0103, 0107, 0108, 0109, 0110); Nhóm chỉ tiêu sức khỏe dinh dưỡng (các mã số: 0201, 0202, 0203); Nhóm chỉ tiêu bảo vệ trẻ em (các mã số: 0306, 0317, 0318, 0323).

### **4. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện**

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em: Chỉ tiêu giáo dục trẻ em (các mã số: 0401, 0402, 0403, 0405, 0406, 0407, 0408, 0409).

### **5. Văn phòng HĐND & UBND huyện *(bộ phận Y tế)***

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em gồm: Nhóm chỉ tiêu sức khỏe dinh dưỡng trẻ em (các mã số: 0204, 0205, 0206, 0207); Nhóm bảo vệ trẻ em (mã số 0307).

### **6. Phòng Văn hóa & Thông tin huyện**

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em: Nhóm chỉ tiêu văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em (mã số: 0501, 0502).

### **7. Phòng Tư pháp huyện**

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em: Chỉ tiêu bảo vệ trẻ em (mã số 0321).

### **8. Trung tâm Văn hóa & Truyền thông huyện**

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em: Nhóm chỉ tiêu trẻ em tham gia vào các vấn đề trẻ em (mã số 0605).

### **9. Bảo hiểm Xã hội huyện**

Chủ trì thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em: Nhóm chỉ tiêu sức khỏe dinh dưỡng trẻ em (mã số 0211).

### **10. Các Ban ngành, đoàn thể huyện**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với các cơ quan được giao chủ trì cung cấp các thông tin về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### **11. UBND các xã, thị trấn**

Thu thập, tổng hợp, báo cáo đầy đủ các chỉ tiêu về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTĐBXH; báo cáo các vấn đề khó khăn, vướng mắc về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để kịp thời chỉ đạo giải quyết theo đúng quy định.

*(Chi tiết các chỉ tiêu tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo)*

Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn gửi báo cáo chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành

chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ) **trước ngày 31/12 hằng năm** để tổng hợp, báo cáo cấp trên theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Sở Lao động - TBXH;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Chu Thị Vinh**

**Phụ lục 01:**  
**DANH MỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THU THẬP, TỔNG HỢP, BÁO CÁO CHỈ TIÊU THỐNG KÊ**  
**VỀ TÌNH HÌNH TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**  
*(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)*

STT	Mã số	Mã số chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kỳ báo cáo, báo cáo (Trước ngày 31/12/hàng năm)	Hiệu lực thi hành (Theo Thông tư 13) 15/11/2021
<b>I. Chỉ tiêu chung về trẻ em</b>							
1	0101		Dân số trẻ em	Chi Cục thống kê		Năm, 5 năm, 10 năm (2025,2030)	
2	0102	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	Chi Cục thống kê	Văn phòng HĐND-UBND	Năm	
3	0103	0104	Tỷ suất sinh thô	Chi Cục thống kê		Năm	
4	0104		Số lượng, tỷ lệ xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	Phòng LĐT&XH		5 năm 2 lần (năm 2022-2025)	
5	0105		Tỷ lệ trẻ em ở trong các hộ nghèo, hộ cận nghèo	Phòng LĐT&XH		Năm	
6	0106		Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện	Phòng LĐT&XH	Chi Cục Thống kê; Văn phòng HĐND-UBND; phòng Giáo dục và Đào tạo; các ban, ngành đoàn thể liên quan	5 năm (năm 2025)	
7	0107		Tỷ lệ trẻ em ở trong hộ gia đình có sử dụng nhiên liệu sạch	Chi cục thống kê		2 năm (năm 2023)	

8	0108		Tỷ lệ trẻ em ở trong hộ gia đình sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Chi cục thống kê		2 năm (năm 2023)	
9	0109		Tỷ lệ trẻ em ở trong hộ gia đình sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Chi cục thống kê		2 năm (năm 2023)	
10	0110		Tỷ lệ trẻ em sống trong nhà tạm	Chi cục thống kê		2 năm (năm 2023)	
<b>II. Sức khỏe, dinh dưỡng trẻ em</b>							
11	0201		Tỷ suất chết sơ sinh	Văn phòng HĐND-UBND	Văn phòng HĐND-UBND; Phòng Tư pháp	5 năm (2025)	
12	0202	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	Văn phòng HĐND-UBND	Trung tâm y tế	Năm	
13	0203	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	Văn phòng HĐND-UBND	Trung tâm y tế	Năm	
14	0204	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	Văn phòng HĐND-UBND	Trung tâm y tế	Năm	
15	0205		Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc	Văn phòng HĐND-UBND	Trung tâm y tế	Năm	
16	0206	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Văn phòng HĐND-UBND	Trung tâm y tế	Năm	
17	0207		Tỷ suất sinh trong độ tuổi từ 10-19 tuổi	Văn phòng HĐND-UBND	Chi cục Thống kê	Năm	
18	0208		Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích	Phòng LĐTB&XH	Trung tâm y tế	5 năm, 10 năm	
19	0209		Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích	Phòng LĐTB&XH	Văn phòng HĐND-UBND; Công an huyện; chi cục Thống	Năm, 5 năm	

					kê.		
20	0210		Tỷ suất trẻ em bị tử vong do đuối nước	Phòng LĐTĐ&XH	Văn phòng HĐND-UBND; Công an huyện; chi cục Thống kê.	Năm, 5 năm	
21	0211		Tỷ lệ trẻ em có bảo hiểm y tế	Bảo hiểm Xã hội	phòng LĐTĐ&XH	Năm	
<b>III. Bảo vệ trẻ em</b>							
22	0301		Số lượng, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Phòng LĐTĐ&XH	Công an huyện; phòng Giáo dục và Đào tạo; các ban ngành đoàn thể liên quan.	Năm	
23	0302		Số lượng, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	Phòng LĐTĐ&XH	Công an huyện; Văn phòng HĐND-UBND; phòng Giáo dục và Đào tạo; các ban, ngành đoàn thể liên quan.	Năm, 5 năm	
24	0303		Số lượng, tỷ lệ trẻ em mồ côi	Phòng LĐTĐ&XH		Năm	
25	0304		Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị bỏ rơi	Phòng LĐTĐ&XH		Năm	
26	0305		Số lượng, tỷ lệ trẻ em không nơi nương tựa	Phòng LĐTĐ&XH		Năm	
27	0306		Số lượng, tỷ lệ trẻ em khuyết tật	Phòng LĐTĐ&XH		5 năm, 10 năm	
28	0307		Số lượng, tỷ lệ trẻ em nhiễm HIV/AIDS	trung tâm y tế		Năm	
29	0308		Số lượng, tỷ lệ trẻ em vi phạm pháp luật	Công an huyện	Viện Kiểm sát nhân dân huyện; Tòa án nhân dân huyện; phòng LĐTĐ&XH	Năm	

30	0309		Số lượng, tỷ lệ trẻ em nghiện ma túy	công an huyện	Phòng LĐTB&XH	Năm	
31	0310		Số lượng, tỷ lệ trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Phòng LĐTB&XH	phòng Giáo dục và Đào tạo, công an huyện	Năm	
32	0311		Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	Phòng LĐTB&XH	Công an huyện; Văn phòng HĐND-UBND, phòng Giáo dục và Đào tạo; các ban, ngành đoàn thể liên quan	Năm, 5 năm	
33	0312		Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị bóc lột	Phòng LĐTB&XH	Công an huyện; các ban, ngành đoàn thể liên quan	5 năm	
34	0313		Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị xâm hại tình dục	Công an huyện	phòng LĐTB&XH; các ban, ngành đoàn thể liên quan	Năm	
35	0314		Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị mua bán	Phòng LĐTB&XH	Công an huyện; các ban, ngành đoàn thể liên quan	Năm	
36	0315		Số lượng, tỷ lệ trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Phòng LĐTB&XH	Trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa	Năm	
37	0316		Số lượng, tỷ lệ trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	Phòng LĐTB&XH	phòng Tư pháp; Công an huyện	Năm, 5 Năm	
38	0317		Số lượng, tỷ lệ trẻ em tảo hôn	Phòng LĐTB&XH	Phòng VH-TT; phòng Dân tộc, hội LHPN huyện	5 Năm	
39	0318		Số lượng, tỷ lệ lao động trẻ em	Phòng	công an huyện	5 Năm	

			và người chưa thành niên (từ 5-17 tuổi)	LĐTB&XH			
40	0319		Số trẻ em được chăm sóc thay thế trong cơ sở trợ giúp xã hội	Phòng LĐTB&XH		Năm	
41	0320		Số trẻ em được chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình	Phòng LĐTB&XH		Năm	
42	0321		Số trẻ em được nhận làm con nuôi	Phòng LĐTB&XH	Phòng Tư pháp	Năm	
43	0322		Số trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ	Phòng LĐTB&XH		Năm, 5 Năm	
44	0323	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh	Phòng Tư pháp	phòng LĐTB&XH	Năm	
<b>IV. Giáo dục trẻ em</b>							
45	0401		Số lượng, tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chi Cục Thống kê	Năm	
46	0402		Số lượng, tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chi Cục Thống kê	Năm	
47	0403		Số lượng, tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chi Cục Thống kê	Năm	
48	0404		Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chi Cục Thống kê	5 năm (năm 2025)	
49	0405		Số lượng, tỷ lệ học sinh đi học cấp tiểu học	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chi Cục Thống kê	Năm	
50	0406		Tỷ lệ học sinh được công nhận	Phòng Giáo dục	Chi Cục Thống kê	Năm	



			hoàn thành chương trình tiểu học, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi, tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học	và Đào tạo			
51	0407		Số lượng, tỷ lệ học sinh đi học cấp trung học cơ sở	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chi Cục Thống kê	Năm	
52	0408		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở, tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chi Cục Thống kê	Năm	
53	0409		Số lượng, tỷ lệ học sinh bỏ học	Phòng Giáo dục và Đào tạo	phòng LĐT&XH	Năm	
<b>V. Văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em</b>							
54	0501		Tỷ lệ thôn và tương đương có thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em	Phòng VH-TT	Phòng LĐT&XH	Năm, 5 năm 02 lần (2022-2025)	
55	0502		Tỷ lệ xã phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em	Phòng VH-TT	Phòng LĐT&XH	Năm, 5 năm	
<b>VI. Trẻ em tham gia vào các vấn đề trẻ em</b>							
56	0601		Tỷ lệ trẻ em từ 7 tuổi trở lên được lấy ý kiến về các vấn đề của trẻ em	Phòng LĐT&XH	phòng Giáo dục và Đào tạo; phòng Văn hóa- TT, các ban ngành liên quan	Năm, 5 năm	

57	0602	Tỷ lệ trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	phòng Giáo dục và Đào tạo; phòng Văn hóa- TT, các ban ngành liên quan	Năm, 5 năm	
58	0603	Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	phòng Giáo dục và Đào tạo; phòng Văn hóa- TT, các ban ngành liên quan	Năm, 5 năm	
59	0604	Số lượt trẻ em tham gia ý kiến, nguyện vọng trong quá trình xây dựng và triển khai chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Các ban, ngành, đoàn thể liên quan	Năm, 5 năm	
60	0605	Tỷ lệ trẻ em được tiếp cận kiến thức, kỹ năng tham gia môi trường mạng an toàn	phòng VH-TT	Phòng Giáo dục và Đào tạo; phòng LĐTĐ&XH; các ban ngành, đoàn thể liên quan	Năm	

**Phụ lục 02:****DANH MỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THU THẬP, TỔNG HỢP, BÁO CÁO CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH XÂM HẠI TRẺ EM, XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI XÂM HẠI TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)

ST T	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kỳ báo cáo, báo cáo (Trước ngày 31/12/hàng năm)	Hiệu lực thi hành (Theo Thông tư 1315/11/2021)	Ghi chú
<b>I. Tình hình xâm hại trẻ em</b>							

1	0101	Số trẻ em bị xâm hại	Phòng LĐTĐ&XH	Công an huyện; phòng VH-TT; Phòng Giáo dục và Đào tạo; TT Văn hóa TT; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm, 5 Năm		
2	0102	Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị bạo lực	Phòng LĐTĐ&XH	Công an huyện; phòng VH-TT; Phòng Giáo dục và Đào tạo; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm, 5 năm		
3	0103	Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị bóc lột	Phòng LĐTĐ&XH	Công an huyện; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm, 5 năm		(Trương tự mã chỉ tiêu 0312, Phụ lục III)
4	0104	Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị xâm hại tình dục	Công an huyện	phòng LĐTĐ&XH; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		(Trương tự mã chỉ tiêu 0313, Phụ lục III)
5	0105	Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị mua bán	Công an huyện	Phòng LĐTĐ&XH, các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		(Trương tự mã chỉ tiêu 0314, Phụ lục III)
6	0106	Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị bỏ rơi, bỏ mặc	Phòng LĐTĐ&XH	Văn phòng HĐND-UBND, phòng VH-TT; phòng Tư pháp; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		
7	0107	Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị xâm hại bởi các hình thức khác	Phòng LĐTĐ&XH	Công an huyện; Văn phòng HĐND-UBND; Phòng Văn hóa- TT; phòng Giáo dục và Đào tạo; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		

8	0108	Số lượng, tỷ lệ đối tượng xâm hại trẻ em là người quen, hàng xóm	Công an huyện	Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Văn hóa - TT; Phòng LĐTB&XH; Viện kiểm sát nhân dân huyện; Tòa án nhân dân huyện, các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		
9	0109	Số lượng, tỷ lệ đối tượng xâm hại trẻ em là thành viên gia đình	Công an huyện	Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Văn hóa- TT; Phòng LĐTB&XH; Viện kiểm sát nhân dân huyện; Tòa án nhân dân huyện, các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		
10	0110	Số lượng, tỷ lệ đối tượng xâm hại trẻ em là cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Công an huyện	Phòng LĐTB&XH; Phòng Giáo dục và đào tạo; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		
11	0111	Số lượng, tỷ lệ đối tượng khác xâm hại trẻ em	Công an huyện	Phòng LĐTB&XH; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		
12	0112	Số lượng, tỷ lệ trẻ em bị xâm hại được trợ giúp	Phòng LĐTB&XH	Văn phòng HĐND-UBND; Phòng Giáo dục và Đào tạo; phòng Tư pháp; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		
<b>II. Tình hình xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em</b>					Phòng LĐTB&XH		
13	0201	Số vụ vi phạm hành chính đối với hành vi xâm hại trẻ em	Phòng LĐTB&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		

14	0202	Số đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT; các ban, ngành, đoàn thể liên quan.	Năm		
15	0203	Số trẻ em là nạn nhân trong các vụ vi phạm hành chính đối với hành vi xâm hại trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT	Năm		
16	0204	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về cấm bạo lực với trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; phòng VH-TT	Năm		
17	0205	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về cấm lạm dụng, bóc lột trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT	Năm		
18	0206	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về cấm bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và các chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT	Năm		
19	0207	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về cấm công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT	Năm		
20	0208	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm về cấm tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; phòng VH-TT	Năm		

21	0209	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm về cấm kỳ thi, phân biệt đối xử với trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT	Năm		
22	0210	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm về cấm bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH-TT	Năm		
23	0211	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm về cấm sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng VH - TT	Năm		
24	0212	Số vụ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi gây tổn hại khác	Phòng LĐTĐ&XH	Phòng Tư pháp; Công an huyện; Phòng VH-TT	Năm		